TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đình Thành
Bà Vũ Thị Lựu

- Th ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Th ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hữu T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/9/2010, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2010. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống không hạnh phúc, Thờng xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, anh T1 Thờng xuyên ăn nhậu về gây gỗ đánh đập chị T. Mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện tìm cách giải quyết Nng anh T1 vẫn không thay đổi, nhiều lần hù doạ tính mạng chị T mỗi khi say xỉn nên chị T đã về nhà mẹ ruột ở gần hai tháng nay. Chị T nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Hữu T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Huỳnh Thị Anh Th – sinh ngày 31/10/2010 và Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 10/9/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2023 và trong quá trình giải quyết, bị đơn trình bày:

Anh T1 thống nhất với phần trình bày của chị T về việc vợ chồng tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, về tình trạng hôn nhân cũng N nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng.

Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn cũng có phần xuất phát từ việc chị T ham chơi, không nghe lời khuyên của anh nên khi có rượu bia trong người anh T1 đã có những lời lẽ đe đoạ chị T. Nhưng vì để các con có đủ cha mẹ, anh T1 mong muốn chị T cho cơ hội để sửa đổi, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Anh T1 thống nhất với phần trình bày của chị T về con chung và đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi Toà án giải quyết ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phùng Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Huỳnh Hữu T1, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/9/2010, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía, vợ chồng đã ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng chỉ được trong thời gian ngắn, sau đó mâu thuẫn ngày càng nghiệm trọng, đến nay không thể tiếp tục sống chung, từ đó mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không vì mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí khắc phục những thiếu sót dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, trong khi chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn vì cho rằng về sống chung thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý các con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất có hai con chung là Huỳnh Thị Anh Th – sinh ngày 31/10/2010 và Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 10/9/2014, và thống nhất giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu này là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên ghi nhận.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Phùng Thị Thanh T ly hôn với anh Huỳnh Hữu T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Thị Anh Th – sinh ngày 31/10/2010 và cháu Huỳnh Thị Thảo N – sinh ngày 10/9/2014 cho chị Phùng Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Hữu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Phùng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008690 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (16/01/2024).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thị xã Phước Long;*
- *Chi cục THADS thị xã Phước Long;*
- *UBND p. B, Tx. Phước Long, T. Bình Phước (Số 49, ngày 05/9/2010);*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân